

ACROSS AUDIO			BRYSTON 4B SST - BOM		
			Rev: 3.2		
品名	参数1	参数2	编号	备注	数量
1/4W电阻	2.2K		R3, R15, R17		6
	1.2K		R2		2
	4.7K		R4, R5, R19		6
	15K		R6, R7		4
	100K		R8, R9, R12, R13		8
	470K		R10		2
	536		R11		2
	1.5K		R16, R18, R30, R31		8
	1K		R20, R21, R25, R34, R35, R61		12
	2K		R22, R23		4
	300		R26, R27, R28, R29		8
	22		R32, R33		4
	150		R36, R37		4
	10		R1, R42, R43, R46, R47, R50, R51, R54, R55		18
	220		R62		2
1/2W电阻	7.15K	1/4W	R14		2
	49.9		R38, R39, R40, R41		8
3W电阻	100		R24, R60		4
	10		R58, R59		4
5W电阻	0.33		R44, R45, R48, R49, R52, R53, R56, R57		16
精密微调	5K		VR2		2
	10K	20K	VR1		2
无极电容	221		C2, C20, C21		6
	101		C3, C4, C12, C13		8
	68p		C6		2
	47p		C7, C8		4
	22p		C9, C10		4
	471		C14, C15		4
	104	224	C33		2
	104		C19, C25, C31, C32,		8
	104/250V		C11, C22		4

ACROSS AUDIO			BRYSTON 4B SST - BOM		
			Rev: 3.2		
电解电容	10uF/25V		C1		2
	2200uF/16V		C5		2
	470uF/16V		C16, C17		4
	100uF/100V		C18, C24		4
	220uF/50V	220-470uF	C23, C26		4
二极管	E202		CRD1, CRD2	恒流二极管（2mA）	4
	1N914	1N4148	D1, D2, D3, D4, D7, D8		12
	1N4007	1N4004	D9, D10		4
	1N5408		D5, D6		4
	1W33V	30-33V	VD1, VD2	稳压二极管	4
三极管	PN100A		Q1, Q3	NPN	4
	PN200A		Q2, Q4	PNP	4
	2N5401		Q5, Q9, Q12, Q14, Q16, Q30	PNP	12
	2N5551		Q6, Q10, Q11, Q13, Q15, Q28	NPN	12
	2N5551		Q8	NPN	2
	MJE182		Q7	NPN	2
	MJE15034	MJE15030	Q17, Q27	NPN	4
	MJE15035	MJE15031	Q18, Q29	PNP	4
	MJL21193		Q19, Q21, Q24, Q26	PNP	8
	MJL21194		Q20, Q22, Q23, Q25	NPN	8
电感	L		L1	1.6-1.8mm漆包线	2